

MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ LIÊN KẾT GIỮA HỘ NÔNG DÂN VÀ DOANH NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN

Vũ Thị Hằng Nga*, Trần Hữu Cường

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: vthnga@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 25.02.2020

Ngày chấp nhận đăng: 13.04.2020

TÓM TẮT

Liên kết trong sản xuất và kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp luôn là hướng đi được khuyến khích phát triển của nhiều nền kinh tế trên thế giới. Tuy nhiên, mối liên kết này còn được đề cập đến khá ít trong các vấn đề lý luận. Do đó, nghiên cứu này góp phần đưa ra các nhận định, đánh giá để lựa chọn các khái niệm, thuật ngữ, nội dung về liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Thông qua việc thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin thứ cấp, một số khái niệm, thuật ngữ liên quan được đề cập đến dưới các góc độ khác nhau như hộ nông dân, doanh nghiệp, và liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ. Bên cạnh đó, nội dung cơ bản của liên kết nhấn mạnh về lĩnh vực và hình thức liên kết, cấu trúc tổ chức, quy tắc ràng buộc, quản trị thực hiện và những kết quả, hiệu quả mang lại từ liên kết. Đồng thời, nghiên cứu thảo luận giá thuyết về hai nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến liên kết này, gồm nhóm yếu tố bên ngoài và nhóm yếu tố bên trong (đặc điểm của hộ nông dân và doanh nghiệp tham gia liên kết, đặc điểm của sản phẩm nông sản, mức độ phức tạp của quá trình tham gia liên kết, lợi ích từ liên kết, thiếu cơ hội liên kết và rủi ro về giá). Với một số nhận định lý luận về liên kết, nghiên cứu này sẽ đóng góp cho các nghiên cứu có chủ đề liên quan trong tương lai.

Từ khóa: Liên kết, hộ nông dân, doanh nghiệp, sản xuất, tiêu thụ, nông sản.

Some Theoretical Linkage Between Farmers - Households and Enterprises in Agricultural Production and Marketing

ABSTRACT

The linkage of production and marketing, especially in the field of agriculture is always an encouraging direction for the development of many economies in the world. However, little information on theoretical issues of the linkage is available. Therefore, this study focuses to making comments and assessments to select concepts, terms and content about the linkage between farmer households and enterprises in agricultural production and marketing. Through the collection, analysis, evaluation of secondary information, some related concepts and terms are mentioned under different perspectives such as farmer household, businesses and the linkage between farmer households and enterprises in agricultural production and marketing. Besides, the contents of linkage emphasize the field and form of the linkage, organizational structure, binding rules, implementation management and the currently attained results and the effectiveness have been brought by the linkage. Simultaneously, we have discussed on the hypotheses of two main groups of factors which affect this linkage, including the external and internal factors (characteristics of farmers- household and enterprises participating in the linkage, characteristics of agricultural products, the complexity of the process of joining the linkage, benefits from linkage, lack of linkage opportunities and price risk). Based on some theoretical conclusions about linkage, this study will provide useful information for future relevant studies.

Keywords: Linkage, farmer households, enterprises, production and marketing, agricultural products.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Liên kết trong sản xuất và kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp luôn là hướng đi

được khuyến khích phát triển của nhiều nền kinh tế trên thế giới. Mối liên kết này có thể là cơ chế mạnh mẽ để cải thiện thị trường đầu vào và đầu ra cũng như các dịch vụ nhằm nâng cao

năng suất và hiệu quả kinh doanh (Immaculate Omondi & cs., 2017). Đầu ra của mối liên kết giữa các tác nhân đã tăng đáng kể (Van der Vaart & van Donk, 2008). Costes & Jahre (2008) cũng đã chỉ ra mối quan hệ trong liên kết mạnh mẽ hơn và mức độ liên kết cao hơn dẫn đến hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Các mô hình liên kết giúp các thành viên giảm chi phí sản xuất, khắc phục giới hạn của từng thành viên, tạo thêm giá trị gia tăng và tạo thêm việc làm, góp phần tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao lợi nhuận cho các doanh nghiệp và cải thiện sinh kế cho nông dân ở nông thôn (Nguyễn Anh Trữ & cs., 2012). Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung đề cập tới liên kết kinh tế nói chung trong các vấn đề lý luận, khá ít nghiên cứu bàn sâu về liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản hoặc nếu có thì các vấn đề này còn khá chung chung, chưa được đề cập triệt để, rõ ràng như góc độ tiếp cận của liên kết, nội dung cũng như các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến liên kết. Đây là một trong những khó khăn cho các nghiên cứu về mối liên kết này khi thực hiện ở nhiều loại nông sản hàng hóa như lúa gạo, dưa, chè, mía, cà phê... Vì vậy, nghiên cứu một số vấn đề lý luận về liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản là rất cần thiết, góp phần bổ sung và đưa ra các nhận định, đánh giá để lựa chọn các khái niệm, thuật ngữ, nội dung, từ đó khái quát lên các vấn đề lý luận phù hợp với hướng đi của nghiên cứu và định hướng cho các nghiên cứu liên quan tiếp theo trong tương lai.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông tin thứ cấp được thu thập chủ yếu từ các văn bản chính sách, các tài liệu nghiên cứu trước đây liên quan đến liên kết trong sản xuất và kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp; các báo cáo kết quả thực hiện các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản giữa hộ nông dân với doanh nghiệp, ở nhiều loại nông sản hàng hóa như lúa gạo, dưa, chè, mía, cà phê...

Phương pháp phân tích, đánh giá các thông tin thứ cấp được sử dụng nhằm tổng hợp, bổ

sung và đưa ra các nhận định, đánh giá để lựa chọn các khái niệm, thuật ngữ, nội dung, từ đó khái quát lên các vấn đề lý luận phù hợp với hướng đi của nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Các vấn đề lý luận về liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

3.1.1. Các khái niệm, thuật ngữ có liên quan

“Hộ nông dân là hộ có phương tiện kiếm sống từ ruộng đất, sử dụng chủ yếu lao động gia đình vào sản xuất, luôn nằm trong hệ thống kinh tế rộng lớn, nhưng về cơ bản được đặc trưng bởi sự tham gia từng phần vào thị trường với mức độ hoàn hảo không cao” (Ellis, 1998). Do đó, khi tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ của liên kết kinh tế, nông dân tham gia vào chuỗi liên kết với vai trò là một chủ thể kinh tế; còn hộ nông dân là loại hình kinh tế, trong đó hoạt động sản xuất chủ yếu của họ là nông nghiệp, dựa vào lao động gia đình (lao động không thuê).

Khái niệm doanh nghiệp được tiếp cận từ các quan điểm khác nhau. Theo Francois (1970), “doanh nghiệp là một đơn vị tổ chức sản xuất mà tại đó người ta kết hợp các yếu tố sản xuất (có sự quan tâm giá cả của các yếu tố) khác nhau do các nhân viên của công ty thực hiện nhằm bán ra trên thị trường những sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ để nhận được khoản tiền chênh lệch giữa giá bán sản phẩm với giá thành của sản phẩm ấy”. Theo luật doanh nghiệp của Việt Nam (2014) thì “doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”. Như vậy, về bản chất, doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân và khi tham gia vào thị trường với mục đích chủ yếu là kinh doanh để đạt mục tiêu lợi nhuận.

Các khái niệm liên quan đến liên kết kinh tế và các công trình nghiên cứu về liên kết kinh tế được xuất bản với tần suất ngày càng tăng (Maskell, 2005). Một số nghiên cứu trong nước

đã chỉ ra rằng, liên kết kinh tế là sự quan hệ kinh tế giữa các tổ chức, các ngành, các địa phương và các đơn vị kinh tế. liên kết kinh tế vừa là hình thức tổ chức sản xuất vừa là cơ chế quản lý (Trần Đức Thịnh, 1984). Quyết định số 38/HĐBT ngày 10/04/1989 về “liên kết kinh tế trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ” của Nhà nước đã nêu liên kết kinh tế là những hình thức phối hợp hoạt động, do các đơn vị kinh tế tự nguyện tiến hành để cùng nhau bàn bạc và đề ra các chủ trương, biện pháp có liên quan đến công việc sản xuất, kinh doanh của mình, nhằm thúc đẩy sản xuất theo hướng phát triển có lợi nhất. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu kinh tế học nước ngoài thường đề cập đến thuật ngữ “integration” có nghĩa là sự kết hợp, liên hợp, hòa hợp, hội nhập, được nhiều nhà nghiên cứu nước ta cho rằng đồng nghĩa với thuật ngữ liên kết. Key & Runsten (1999) khẳng định bản chất của liên kết kinh tế là thể chế kinh tế, trong đó thể chế là bất kỳ cấu trúc hoặc cơ chế nào của trật tự xã hội và điều chỉnh hành vi của một tập hợp các cá nhân trong một cộng đồng nhất định, có một cơ chế của các quy tắc được thiết kế để mang lại kết quả nhất định.

Tuy có nhiều khái niệm, quan điểm khác nhau nhưng trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tiếp cận dưới góc độ: “*Bản chất của mối liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ chủ yếu là một phần của mối liên kết kinh tế, mà ở đó diễn ra một quá trình tìm hiểu, hợp tác và phối hợp cùng nhau giữa nông dân và doanh nghiệp trên tinh thần tự nguyện. Quá trình này được diễn ra ở khu vực nông thôn thông qua các hình thức hợp tác kinh tế theo chính sách của Đảng và Nhà nước với mục đích thúc đẩy khả năng liên kết bền chặt, đảm bảo quá trình sản xuất được diễn ra ổn định và bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân và tạo ra hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp*” (Lưu Tiến Dũng, 2015).

3.1.2. Vai trò của liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

Thứ nhất, góp phần đảm bảo các chủ thể tham gia cùng có lợi trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Thứ hai, tăng tính tự nguyện và tự chịu trách nhiệm của các chủ thể tham gia liên kết.

Thứ ba, góp phần làm tăng hiệu quả trong sản xuất nông sản, duy trì thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh.

Thứ tư, góp phần nâng cao hiệu quả, vai trò quản lý Nhà nước về kinh tế thông qua pháp luật và các chính sách, kế hoạch.

3.1.3. Đặc điểm của liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

Thứ nhất, về tính bất đối xứng của chủ thể liên kết, thể hiện qua sự chênh lệch về trình độ, quy mô và tiềm lực kinh tế của các chủ thể tham gia liên kết; sự chênh lệch nhất định giữa các nhóm và vai trò của từng nhóm trong quá trình liên kết; ở nhu cầu kế hoạch hóa cao, tính ổn định của quá trình sản xuất với tình trạng bấp bênh, khó lường trước của hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, về các hình thức liên kết: Thông thường, có các hình thức như: (1) Căn cứ theo cấu trúc thành phần, có liên kết song phương, liên kết đa phương, liên kết chuỗi, liên kết mạng, và liên kết hình sao; (2) Căn cứ theo hình thức tổ chức pháp lý, có hợp đồng liên kết, liên minh kinh tế, hiệp hội kinh tế và liên hợp kinh tế; (3) Căn cứ theo chức năng kinh tế, có liên kết trao đổi, liên kết hợp lực, liên kết phân chia và liên kết ủy nhiệm; (4) Căn cứ theo chủ thể liên kết, có liên kết giữa nông dân với nông dân, liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp (sản xuất - tiêu thụ sản phẩm), liên kết theo chuỗi; (5) Căn cứ vào mối quan hệ với môi trường bên ngoài, có liên kết đóng và liên kết mở (Hồ Quế Hậu, 2012).

Thứ ba, về tính chất của sự liên kết: mối liên kết này được coi là một bộ phận của quan hệ kinh tế giữa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ (Hồ Quế Hậu, 2012). Cụ thể, hộ nông dân đóng vai trò đại diện cho nông nghiệp và các doanh nghiệp đại diện cho công nghiệp và dịch vụ. Từ đó, liên kết giữa hai chủ thể đóng vai trò “hỗ trợ, cùng tham gia giải quyết mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ”.

3.1.4. Nguyên tắc của liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

Tự nguyện và cam kết tham gia: Mọi quyết định, điều khoản liên kết được đưa ra dựa trên sự tự nguyện, bàn bạc và thống nhất giữa các bên tham gia liên kết; không cho phép sự áp đặt bằng mệnh lệnh giữa các bên tham gia hoặc từ bên ngoài.

Các bên liên quan phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trên cơ sở pháp lý thông qua kế hoạch hành động được xác định trước, đảm bảo cho liên kết đạt được mục tiêu ổn định, tiết kiệm chi phí, và là căn cứ pháp lý để giải quyết những tranh chấp có thể xảy ra giữa các bên có mối quan hệ kinh tế với nhau.

Chia sẻ lợi ích và rủi ro: Là nguyên tắc đặc trưng, là động lực của liên kết so với thể chế thị trường; giải quyết một cách hài hòa, công bằng

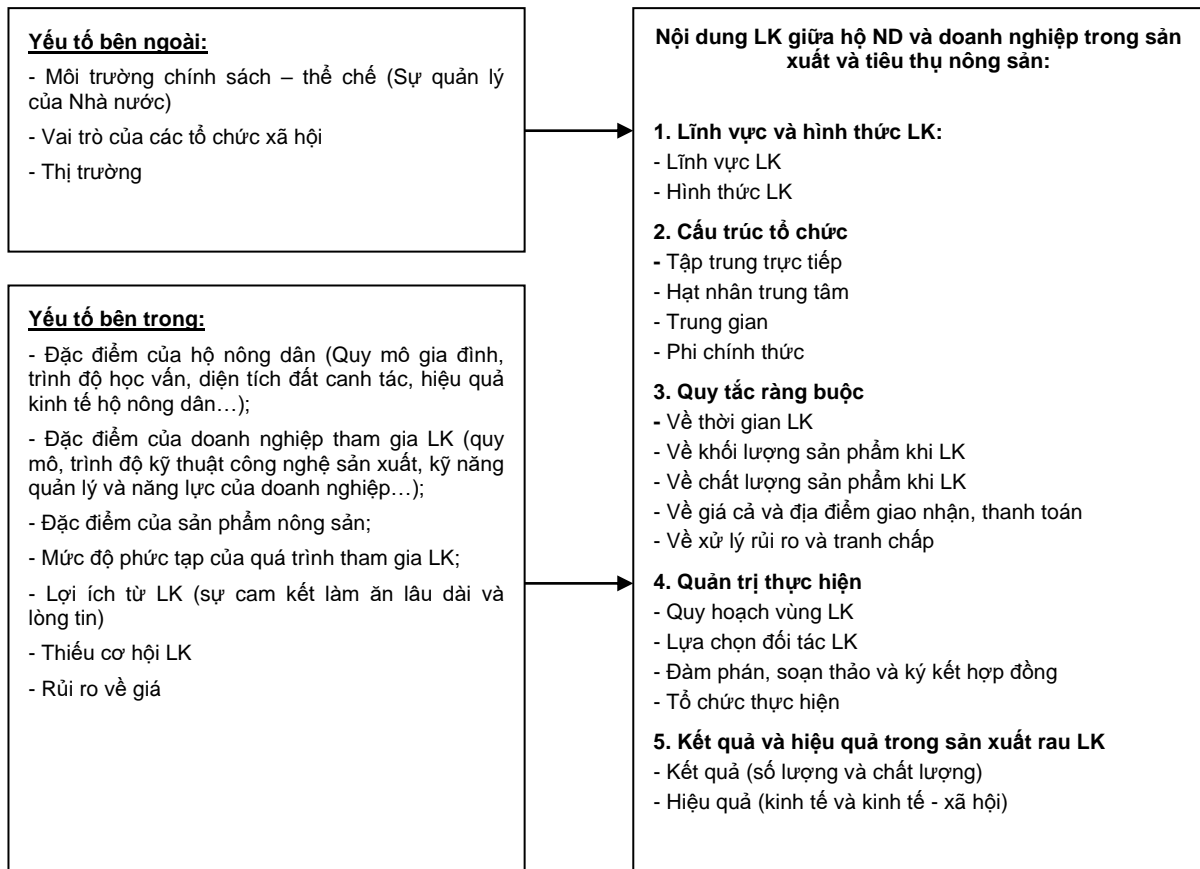
mối quan hệ lợi ích giữa các bên liên kết tương xứng với chi phí, công sức mà mỗi bên bỏ ra..

3.2. Nội dung liên kết và những yếu tố ảnh hưởng đến liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

3.2.1. Nội dung liên kết

Từ góc độ tiếp cận liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản là một thể chế kinh tế có mối quan hệ kinh tế - kỹ thuật với nhau, tác giả đã thu thập, chọn lọc các thông tin từ các nghiên cứu trước đây cùng quan điểm nghiên cứu độc lập của mình để đề xuất nội dung và những yếu tố ảnh hưởng đến liên kết này thông qua hình 1.

* Lĩnh vực liên kết: Gồm 4 lĩnh vực chính là kinh doanh nông sản, đầu tư vào sản xuất (vốn tín dụng), góp vốn kinh doanh (không thanh toán) và khoa học công nghệ.



Hình 1. Khung phân tích nội dung liên kết và các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

* Hình thức liên kết: Liên kết dọc là một hình thức liên kết giữa các tác nhân trong các liên kết liên tiếp khác nhau trong quá trình sản xuất của một ngành công nghiệp hàng hóa. liên kết dọc được điều tiết thông qua cả quy trình sản xuất và phân phối, thay vì điều chỉnh mọi đầu vào cụ thể cho quy trình sản xuất; phản ánh chiều dài của chuỗi cung ứng (Trần Hữu Cường, 2009).

Liên kết ngang (hoặc hợp tác) là liên kết giữa các tác nhân sản xuất giống nhau ở cùng cấp độ, cùng giai đoạn hoặc cùng liên kết của ngành; phản ánh chiều rộng của chuỗi cung ứng (Lê Hữu Ảnh & cs., 2017).

Liên kết hỗn hợp, bất kỳ tác nhân cụ thể nào trong chuỗi có thể đồng thời liên kết dọc và

liên kết ngang trong việc phát triển các lợi thế của nó (Lê Hữu Ảnh & cs., 2017).

* Cấu trúc tổ chức (Bảng 1).

* Quy tắc ràng buộc: Quy tắc ràng buộc được thể hiện trong các điều khoản của hợp đồng liên kết (Bảng 2).

* Quản trị thực hiện:

Quy hoạch vùng liên kết: Quy hoạch thực hiện hợp đồng nông nghiệp là xác định cây trồng, vật nuôi, dây chuyền hàng hóa và khu vực địa lý đáp ứng đầy đủ các điều kiện thực hiện phương thức hợp đồng để có cơ sở đầu tư, hướng dẫn và khuyến khích, giúp đỡ từ các chính sách của Chính phủ (Hồ Quế Hậu, 2012).

Bảng 1. Cấu trúc tổ chức trong liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

| STT | Cấu trúc tổ chức | Đặc điểm |
|-----|------------------------------------|--|
| 1 | Mô hình tập trung trực tiếp | <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình điều phối theo chiều dọc, bên mua (doanh nghiệp) bao tiêu toàn bộ sản phẩm của nông hộ sau đó chế biến và tiêu thụ, cụ thể bên mua trực tiếp ký hợp đồng với nông dân cá thể không thông qua bất kỳ trung gian nào; - Thông thường, nông dân sẽ được báo trước khối lượng sản phẩm ký kết cũng như chất lượng được quản lý rất chặt; - Hiện nay, hình thức này ít xảy ra vì chi phí quản lý vùng nguyên liệu cao và trách nhiệm xã hội lớn; đàm phán hợp đồng với nông dân rất khó thực hiện, vì vậy nó có xu hướng áp dụng một chiều. |
| 2 | Mô hình đa thành phần (đa chủ thể) | <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình liên quan đến nhiều tác nhân tham gia giữa bên mua và nông dân như Nhà nước và các doanh nghiệp; - Biểu hiện của mô hình này thể hiện rõ nhất qua mối quan hệ 4 nhà: Nhà nước - Nông dân - Nhà khoa học và doanh nghiệp. Trong đó, vai trò của doanh nghiệp và nông dân là quan trọng nhất; - Để giảm bớt chi phí giao dịch cho bên mua cũng như việc tiếp cận tín dụng dễ dàng, nông dân cá thể thường tập hợp lại thành hiệp hội hoặc hợp tác xã. |
| 3 | Mô hình hạt nhân trung tâm | <ul style="list-style-type: none"> - Là mô hình tập trung hóa, với cách tiếp cận khá đơn giản; bên mua sản phẩm là doanh nghiệp nắm quyền sở hữu đất đai, chuồng trại, vườn cây. Bên bán sản phẩm là nông dân phụ thuộc, chỉ thực hiện hoạt động sản xuất tạo ra và bán lại sản phẩm cho doanh nghiệp; - Ở Việt Nam, các trang trại nông, lâm nghiệp ký hợp đồng với người trồng rừng, hoặc sản xuất nông nghiệp thay vì phương pháp quản lý tập trung trước đây. Đây là những trang trại gia đình được tái lập trong các doanh nghiệp nông nghiệp lớn. |
| 4 | Mô hình thông qua trung gian | <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua (doanh nghiệp) kết nối (ký hợp đồng mua sản phẩm) với nông dân thông qua trung gian như hợp tác xã, nhóm hợp tác xã và nhóm nông dân, đại diện của một số hộ nông dân hoặc doanh nghiệp, thương lái thu gom khác; - Bất lợi chính của mô hình này là nông dân bị giảm thu nhập do không kiểm soát được giá bán; bên mua có thể không kiểm soát được quy trình sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm. |
| 5 | Mô hình phi chính thức | <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng bởi các công ty tư nhân, cơ sở chế biến thủ công, quy mô nhỏ và chế biến bán thủ công với nông dân trồng nguyên liệu xung quanh; - Thường được tổ chức dưới dạng hợp đồng miệng giữa các bên tham gia thị trường nông sản có tính thời vụ, không nhiều khâu chế biến; - Hạn chế: Nông dân ít khi được hỗ trợ yếu tố đầu vào, chuyển giao kỹ thuật từ phía doanh nghiệp; và hay xảy ra vấn đề phá vỡ hợp đồng (nông dân thường bán ra ngoài mà không bán cho doanh nghiệp). |

Nguồn: Shepherd, 2001 & tác giả tổng hợp, 2019.

Chọn đối tác liên kết: Hai tiêu chí đầu tiên để phân loại và chọn hộ nông dân làm đối tác liên kết của doanh nghiệp là bán đủ sản lượng cam kết cho doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ nợ đầu tư (Đỗ Thị Nga, 2016).

Đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng liên kết phải tuân theo nguyên tắc bình đẳng và dân chủ.

Tổ chức thực hiện, sắp xếp nhân sự phù hợp và phân cấp trong cơ cấu quản lý là rất quan trọng để kế hoạch hợp đồng được thực hiện tốt.

*** Kết quả và hiệu quả:**

Kết quả được đánh giá qua tiêu chí số lượng và chất lượng thực hiện liên kết. Tiêu chí số lượng có thể được phản ánh qua một số chỉ tiêu như: (1) Số lượng hoặc tỷ lệ hộ nông dân tham gia liên kết, (2) Số diện tích hoặc tỷ lệ diện tích trồng tham gia liên kết, (3) Diện tích bình quân/hộ nông dân tham gia liên kết, (4) Số lượng hoặc tỷ lệ doanh nghiệp tham gia liên kết, (5) Số lượng và giá trị từng loại vật tư mà doanh nghiệp đầu tư cho nông dân tham gia liên kết, (6) Số vốn mà doanh nghiệp đầu tư cho nông dân tham gia liên kết, (7) Số nợ đầu tư mà doanh nghiệp thu từ nông dân tham gia liên kết và (8) Số lượng và giá trị nông sản doanh nghiệp thu mua của nông dân tham gia liên kết.

Đối với tiêu chí chất lượng thực hiện liên kết được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu như: (1) Sản lượng bình quân/hecta, (2) Giá trị đầu tư vật tư bình quân/hecta, (3) Số vốn đầu tư bình quân/hecta, (4) Giá trị đầu tư của doanh nghiệp/tổng chi phí sản xuất, (5) Sản lượng bình quân/ha doanh nghiệp thu mua của nông dân tham gia liên kết, (6) Tỷ lệ thu hồi nợ đầu tư của doanh nghiệp, (7) Tỷ lệ hộ nông dân hoàn thành cam kết bán sản lượng theo hợp đồng liên kết cho doanh nghiệp, (8) Tỷ lệ hộ nông dân vi phạm/phá vỡ hợp đồng liên kết.

Nhóm các tiêu chí để đánh giá hiệu quả liên kết bao gồm hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội. Đối với hiệu quả kinh tế được thể hiện qua chỉ tiêu chủ yếu: doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp, và thu nhập của hộ nông dân tham gia liên kết. Để đánh giá loại hiệu quả này

thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng chủ yếu để đo lường cảm nhận của đối tượng điều tra. Đối với tiêu chí hiệu quả kinh tế - xã hội được thể hiện qua các chỉ tiêu như: (1) Số lao động nông nghiệp hoặc tham gia sản xuất chế biến có việc làm qua liên kết, (2) Tỷ lệ giảm hộ nông dân nghèo qua liên kết (So với trước khi liên kết hoặc với vùng không liên kết), (3) Tỷ lệ diện tích hoặc tổng giá trị sản lượng nông sản có tham gia liên kết trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp địa phương, (4) Số lượng đường giao thông (km), kênh mương (km), mạng lưới điện (km), số cơ sở bệnh xá, trường học mà doanh nghiệp đầu tư trực tiếp vào vùng liên kết, (5) Số nộp ngân sách Nhà nước của các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nông sản tham gia liên kết (so với tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp sản xuất và chế biến nông sản)...

3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

Nhóm yếu tố bên ngoài gồm có: Môi trường chính sách thể chế (Sự quản lý của Nhà nước), vai trò của các tổ chức xã hội (Lưu Tiến Dũng, 2015; Hà Xuân Thọ, 2016), và sự biến động của thị trường (Hà Xuân Thọ, 2016). Trong đó, sự biến động của thị trường thường được thể hiện rất rõ qua mối quan hệ cung - cầu và biến động về giá cả. Tỷ lệ phá vỡ hợp đồng liên kết rất cao (trên 50%) nếu có sự chênh lệch lớn (từ 3-5 lần) giữa giá hợp đồng và giá thị trường (Sukhpalsingh, 2002).

Nhóm yếu tố bên trong, gồm có: (1) Đặc điểm của hộ nông dân (quy mô gia đình, trình độ học vấn, quy mô sản xuất của hộ nông dân, thu nhập thấp, tiếp cận thị trường hạn chế...) (Đỗ Thị Nga & cs., 2016); (2) đặc điểm của doanh nghiệp tham gia liên kết (năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu và trình độ công nghệ cao...) (Hà Xuân Thọ, 2016); (3) đặc điểm của sản phẩm nông sản; (4) mức độ phức tạp của quá trình tham gia liên kết; (5) lợi ích từ liên kết (sự cam kết làm ăn lâu dài và lòng tin) và (5) thiếu cơ hội liên kết.

Bảng 2. Quy tắc ràng buộc trong liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

| STT | Quy tắc ràng buộc | Đặc điểm |
|-----|---|---|
| 1 | Thời gian | - Thời điểm ký hợp đồng diễn ra trước khi nông dân tham gia sản xuất; - Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng ngắn hạn (một vụ sản xuất) và hợp đồng dài hạn (nhiều vụ sản xuất trong nhiều năm). |
| 2 | Số lượng | - Sản phẩm tiêu thụ; - Đầu ra (số lượng) cố định; - Sản lượng tối thiểu. |
| 3 | Chất lượng | - Ràng buộc chất lượng trong hợp đồng thường gắn liền với phân loại sản phẩm với tiêu chí chất lượng của từng loại (như: Các chỉ tiêu vật lý, hóa học và sinh học...). |
| 4 | Giá cả, phương thức giao nhận và thanh toán; thường, phạt | - Theo Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2005), các hình thức ràng buộc về giá: (1) Ký hợp đồng thỏa thuận giá theo thời gian; (2) Hợp đồng theo giá sàn (bảo hiểm), khi giá theo thời gian cao hơn giá sàn, doanh nghiệp mua theo giá thị trường tại thời điểm đó; (3) Ký hợp đồng với giá cố định (giá chết); (4) Ký hợp đồng đầu tư và tiêu dùng với giá tiêu chuẩn theo cơ chế bồi thường (cả hai bên đều chịu rủi ro); và (5) Ký hợp đồng theo đơn giá xử lý. Ngoài ra, còn có một hình thức ký gửi: giá cố định trong 2 tháng tới, bằng 70% giá tại thời điểm gửi hàng (Trần Thị Thanh Nhân, 2006); - Ràng buộc về phương thức giao hàng: (1) Giao hàng tại nơi mua hàng tập trung trong khu vực sản xuất; (2) Giao hàng tại kho của nhà máy chế biến; (3) Giao hàng tại nhà của nông dân; (4) Giao hàng ở các khu vực nơi nông dân sản xuất. Hầu hết nông dân muốn thực hiện hai lựa chọn 3 và 4; - Việc thực hiện chế độ thưởng cho nông dân hoàn thành hợp đồng làm tăng tỷ lệ nông dân hoàn thành hợp đồng. |
| 5 | Xử lý rủi ro và tranh chấp | - Quy tắc xử lý rủi ro: (1) Cam kết sản xuất và cung cấp một lượng nguyên liệu thô được xác định trước, kiểm soát quá trình sản xuất theo quy trình; (2) Cam kết của các doanh nghiệp hỗ trợ nông dân khi thiên tai xảy ra; - Quy tắc giải quyết tranh chấp: Thông thường, giữa các bên tham gia liên kết này thường xảy ra tranh chấp về lợi ích (biểu hiện qua việc phá vỡ hợp đồng). Do đó, khi giải quyết tranh chấp giữa các bên cần đảm bảo: (1) Hai bên trao đổi và tìm cách hòa giải để giải quyết; (2) Nhờ nhân vật thứ ba phân xử như: chính quyền địa phương, đoàn thể xã hội; (3) Đưa ra tòa án để xét xử. Hình thức 1 và 2 khá phổ biến ở Việt Nam. |

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tiếp cận liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản là một thể chế kinh tế có mối quan hệ kinh tế - kỹ thuật với nhau, nghiên cứu đã tổng quan một số vấn đề lý luận về vai trò, đặc điểm và nguyên tắc của liên kết này. Liên kết tạo điều kiện gắn kết giữa hộ nông dân với các nhà sản xuất, các đơn vị thu mua và chế biến theo hướng ổn định lâu dài, giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế và xã hội; nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh tế; góp phần phát triển xã hội, phát triển nông nghiệp bền vững. Đặc điểm của liên kết thể hiện qua tính bất đối xứng của chủ thể liên kết, các hình thức và tính chất của sự liên kết. liên kết dựa trên ba nguyên tắc chủ yếu là tự nguyện và cam kết tham gia; các bên liên quan phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trên cơ sở pháp lý thông qua các kế hoạch hành

động được xác định trước; và chia sẻ lợi ích và rủi ro. Bên cạnh đó, nội dung của liên kết tập trung vào lĩnh vực và hình thức liên kết, cấu trúc tổ chức, quy tắc ràng buộc, quản trị thực hiện và những kết quả, hiệu quả mang lại từ liên kết. Đồng thời, nghiên cứu thảo luận giả thuyết về hai nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến liên kết này, gồm nhóm yếu tố bên ngoài và nhóm yếu tố bên trong. Từ những nhận định này, nghiên cứu mong muốn có những đóng góp bổ sung vào hệ thống các vấn đề lý luận về liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản và định hướng những cho những chủ đề nghiên cứu có liên quan trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Thị Nga (2016). Cơ sở lý luận về liên kết hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ cà phê. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Tây Nguyên. 17: 62-68.

- Ellis (1998). Household strategies and Rural Livelihood Diversification. *Journal of Development Studies*. 35(1): 1-38.
- Fabbe-Costes N. & Jahre M. (2008). Supply Chain Integration Improves Performance. A review of the Evidence. *The International Journal of Logistics Management*. 19(2): 130-154.
- Hà Xuân Thọ (2016). liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân sản xuất cà phê tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Tây Nguyên, Tây Nguyên.
- Hồ Quế Hậu (2012). liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản và nông dân Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
- Hồ Thanh Thủy (2017). Vai trò của liên kết trong sản xuất nông nghiệp. *Tạp chí Giáo dục lý luận*. 269 + 270: 34-40.
- Key Hay N. & Runsten D. (1999). Contract farming, smallholders and rural development in Latin America: The organization of agroprocessing firms and the scale of outgrower production, *World Development*. 27(2).
- Immaculate Omondi, Elizaphan J.O. Rao Aziz A., Karimov Isabelle Baltenweck (2017). Processor linkages and farm household productivity: Evidence from Dairy Hubs in East Africa, <https://doi.org/10.1002/agr.21492>, first published: 07 February 2017.
- Lê Hữu Ảnh, Trần Hữu Cường, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Văn Song, Chu Thị Kim Loan, Đỗ Quang Giám, Bùi Thị Nga, Nguyễn Quốc Oánh & Bùi Văn Trịnh (2017). Nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm trong trồng trọt, lâm nghiệp và thủy sản. Báo cáo đề tài cấp Bộ - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Luu Tien Dung (2015). Efficiency of Economic linkage between enterprises and farmers in the Southeast region: The current situation and affecting factors. Conference paper, publication at: <https://www.researchgate.net/publication/268980866>. Retrospective date: July, 2015.
- Maskell (2005). Myopia, knowledge development and cluster evolution. *Journal of Economic Geography*. 7(2007): 603-618. Available at: doi:10.1093/jeg/lbm020.
- Nguyễn Anh Trụ, Đỗ Thị Mỹ Hạnh, Đặng Thị Kim Hoa, Nguyễn Văn Phương & Trần Hữu Cường (2012). Linkages in production and distribution of exported vegetables: Perspectives of farmers and firms in Luc Nam district, Bac Giang province, Vietnam. *Journal of the International Society for Southeast Asian Agricultural Sciences (ISSAAS)*. 18(1) :113-130.
- Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2005). Thực trạng và các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm theo Quyết định số 80/2002/ QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm Tư vấn và Đào tạo Kinh tế Thương mại (ICTC), Bộ Thương mại - Viện nghiên cứu thương mại, Hà Nội.
- Quốc hội (2014). Luật Doanh nghiệp, Luật số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Shepherd (2001). Contract Farming: partnership for growth. *FAO Agricultural Services Buletin* 145, Rome. <http://www.fao.org/3/y0937e/y0937e00.pdf>
- Sukhpalsingh (2002). Contracting Out Solutions: Political Economy of Contract Farming in the Indian Punjab, *World Development*. 30(9): 1621-1638.
- Trần Đức Thịnh (1984). Liên kết kinh tế trong nghề nuôi ong. Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Trần Hữu Cường (2009). Phát triển và liên kết thị trường nông sản: Cơ sở lý luận và thực tiễn tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 7(4): 515-526.
- Trần Thị Thanh Nhân (2006). Giới thiệu một trường hợp thất bại trong thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản. Hội thảo: Sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng - 30 trường hợp điển hình, Trung tâm tư vấn chính sách nông nghiệp, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp - Nông thôn - Ngân hàng Phát triển Châu Á, Hà Nội.
- Van der Vaart T. & van Donk D. (2008). A critical review of survey-based research in supply chain integration. *International Journal of Production Economics*. 111(42): 42-55.